

VÀI NÉT VỀ KINH NGHIỆM CHUYỂN ĐỔI VÀ HỘI NHẬP CỦA BA LAN

TS. Nguyễn Trọng Hậu
Viện Nghiên cứu Châu Âu

Vào đầu những năm 90 của thế kỷ XX tại nhiều nước thuộc khối XHCN cũ ở Trung-Đông Âu đã bắt đầu quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch tập trung sang nền kinh tế thị trường. Mỗi nước đều đi theo con đường riêng, tìm ra các giải pháp tốt nhất nhằm kết hợp các khuôn mẫu của nền văn minh thế giới với truyền thống lịch sử, truyền thống văn hoá, cũng như với trình độ nhận thức chung của xã hội và với hệ thống các lực lượng chính trị của mình. Tuy nhiên tất cả các nước này đều phải giải quyết các vấn đề có tính phổ quát chung trong quá trình chuyển đổi.

Trong số các nước đó Ba Lan được xem là một trong các nước thực hiện thành công quá trình chuyển đổi và hội nhập. Kinh nghiệm của quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường và các thể chế tương ứng với nó trong suốt hơn 15 năm qua cùng với quá trình hội nhập EU của Ba Lan đã cho phép chúng ta bước đầu rút ra một số bài học có ý nghĩa tham khảo đối với các nước đang trong quá trình cải cách như Việt Nam.

I. Khái quát quá trình cải cách của Ba Lan trước năm 1989

Theo các nhà lý luận Ba Lan thì chuyển đổi hệ thống là quá trình chuyển từ nền kinh tế kế hoạch tập trung sang nền kinh tế thị trường, bao gồm cả sự thay đổi thể chế chính trị và xây dựng các điều kiện thị trường cho sự hoạt động của tất cả các chủ thể kinh tế.

Sự chuyển đổi hệ thống bao gồm những thay đổi cơ bản cả trong các cơ chế điều chỉnh nền kinh tế cũng như trong các quan hệ sở hữu. Khái niệm này rất quan trọng vì nó cho chúng ta thấy *chuyển đổi hệ thống là một quá trình cải cách triệt để mang tính hệ thống, đồng bộ không phải có tính sửa chữa những khiếm khuyết của hệ thống kinh tế kế hoạch tập trung cũ như nhiều nhà lý luận lầm tưởng mà là sự xây dựng một nền tảng kinh tế, chính trị và xã hội hoàn toàn khác*. Chủ nghĩa xã hội sụp đổ tại các nước Trung-Đông Âu không phải là hậu quả của những sai lầm nhất thời trong lãnh đạo chính trị, kinh tế-xã hội tại các nước này mà có *nguồn gốc từ những khuyết tật bẩm sinh của nền*

kinh tế xã hội chủ nghĩa phi hiệu quả, không có tính cạnh tranh với hệ thống kinh tế TBCN.

Về mặt lý luận thì quá trình chuyển đổi hệ thống của Ba Lan được thực hiện theo phương thức *liệu pháp sốc*, tức là nhanh chóng thay đổi thể chế chính trị, thay đổi cơ chế điều chỉnh nền kinh tế từ hành chính mệnh lệnh sang điều chỉnh bằng cơ chế thị trường, thực hiện các giải pháp cải cách nhanh, mạnh, triệt để trong hầu hết các lĩnh vực của đời sống kinh tế-xã hội. Vấn đề gây nhiều tranh luận là tại sao Ba Lan lại chọn liệu pháp sốc mà không chọn giải pháp cải cách tiệm tiến (từ từ), mặc dù cái giá phải trả cho chiến lược này là rất cao. Để hiểu rõ điều này chúng ta cần nhìn lại lịch sử của các cuộc cải cách trước đây ở Ba Lan.

Nền kinh tế Ba Lan trước năm 1989 cũng như phần lớn các nước XHCN cũ là sự rập khuôn mô hình kinh tế kế hoạch tập trung kiểu Liên Xô cũ với một số nét đặc trưng chủ yếu, nổi bật sau đây:

- Sự độc quyền về quyền lực chính trị;
- Sự độc quyền về tư tưởng;
- Sở hữu toàn dân gần như tuyệt đối;
- Sự kiểm soát hoàn toàn của nhà nước đối với ngoại thương;
- Độc quyền nhà nước trong cung cấp nguyên vật liệu và thu mua sản phẩm trong quan hệ với các đơn vị kinh tế,
- Sự kiểm soát hoàn toàn của Đảng đối với bộ máy nhân sự trong tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế-xã hội, cùng với chế độ

đặc quyền đặc lợi dành cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo ở tất cả các cấp.

Trong các nét đặc trưng đó quan trọng nhất là sự mâu thuẫn nội tại giữa chế độ sở hữu, các thiết chế chính trị với cơ chế thị trường trong việc phân bố và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực sản xuất. Trong các đặc điểm trên thì có 2 đặc điểm cần nhấn mạnh đó là chế độ sở hữu toàn dân (thực chất là chế độ sở hữu không phải của ai cả) và sự kiểm soát hoàn toàn của Đảng đối với hệ thống nhân sự và các đặc quyền đặc lợi dành cho các cán bộ lãnh đạo được xem là những lực cản lớn nhất khi tiến hành các cuộc cải cách triệt để. Kinh nghiệm các cuộc cải cách từng phần trong quá khứ cho thấy chính 2 đặc điểm này làm triệt tiêu sự sáng tạo của xã hội và là nguyên nhân thất bại của tất cả các cố gắng sửa đổi các khuyết tật của hệ thống XHCN cũ ở Ba Lan.

Ba Lan đã từng có 2 lần tiến hành các cuộc cải cách: Lần thứ nhất vào những năm cuối của thập kỷ 60 và thập kỷ 70 với cố gắng thị trường hoá một phần nền kinh tế và thúc đẩy tăng trưởng thông qua nguồn vốn vay từ các nước TBCN. Lần thứ 2 là vào các năm của thập kỷ 80 với mục tiêu chính là tạo lập môi trường kinh doanh theo cơ chế thị trường cho các doanh nghiệp, tức là các doanh nghiệp được coi là các đơn vị kinh tế độc lập, được tự chủ trong quản lý kinh doanh, tự chủ về tài chính. Tuy nhiên cả 2 lần cải cách này đều mang tính chất nửa vời, không đồng bộ nên tạo thành *một hệ thống lai ghép cơ học máy móc* bao gồm các yếu tố của hệ thống cũ và hệ thống mới. Hệ quả tất

yếu của các cuộc cải cách nửa vời này làm cho nền kinh tế suy thoái nghiêm trọng, tình trạng căng thẳng xã hội gia tăng. Kết quả của các cuộc cải cách này đã cho xã hội Ba Lan một nhận thức quan trọng: CNXH theo kiểu Liên Xô là một hệ thống không thể cải cách từng phần được. Ngay cả những cố gắng cao nhất cũng không thể sửa chữa được các khuyết tật của hệ thống này, vì hệ thống này được xây dựng trên những nền tảng kinh tế và chính trị mâu thuẫn.

Chiến lược liệu pháp sốc được lựa chọn cũng là nhằm nhanh chóng xoá bỏ mọi đặc quyền đặc lợi của bộ phận nắm giữ quyền lực cũ trong xã hội, tạo điều kiện để có thể tiến hành các cải cách triệt để trong tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế-xã hội.

II. Các giai đoạn của quá trình chuyển đổi và hội nhập của Ba Lan

Nhìn lại hơn 15 năm chuyển đổi và hội nhập của Ba Lan, có thể phân thành 4 giai đoạn với các mục tiêu và các giải pháp cụ thể cho từng thời kỳ:

1. Giai đoạn 1 từ năm 1989 đến 1993: Với mục tiêu là chuyển đổi hệ thống chính trị, cải cách hệ thống pháp lý và làm ổn định kinh tế vĩ mô.

Trong giai đoạn này Ba Lan tập trung vào việc xây dựng hệ thống pháp luật làm nền tảng cho việc đưa các cơ chế thị trường vào vận hành. Một loạt các giải pháp nhằm thực hiện ổn định kinh tế vĩ mô, quan trọng nhất là các chính sách tự do hoá giá cả, tự do trao đổi thương mại, sử dụng chính sách tiền

tệ cứng rắn nhằm kiềm chế siêu lạm phát, giảm thâm hụt ngân sách, tạo các nền tảng cho tăng trưởng kinh tế vững chắc.

2. Giai đoạn 2 từ năm 1994-1997: Cải cách kinh tế vi mô và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Giai đoạn này thực hiện cải cách trong lĩnh vực thuế. Ba Lan chuyển nguồn thu ngân sách chủ yếu từ thu nhập của khu vực kinh tế nhà nước sang hệ thống thuế trực thu, thi hành Luật thuế Thu nhập cá nhân, thuế Giá trị gia tăng. Cải cách ngân hàng và xây dựng thị trường chứng khoán. Tập trung vào việc tháo bỏ các rào cản cho sự hoạt động tự do của các doanh nghiệp, thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển khu vực kinh tế tư nhân, triển khai mạnh chương trình tư nhân hoá các doanh nghiệp nhà nước. Tách rời sự can thiệp hành chính vào các hoạt động kinh tế của doanh nghiệp.

3. Giai đoạn 3 từ năm 1998 đến 2001: các cuộc cải cách xã hội và hệ thống hành chính.

Tiến hành đồng thời các cải cách về bảo hiểm xã hội, y tế, giáo dục. Xây dựng các quỹ đầu tư trên cơ sở sử dụng tiền hưu và tiền bảo hiểm. Giảm bớt sự trợ cấp y tế của Nhà nước, tăng cường sự tự chủ tài chính của các đơn vị y tế và giáo dục công. Giảm mạnh các đơn vị hành chính tỉnh (từ 49 tỉnh giảm xuống còn 16 tỉnh). Giảm số lượng các bộ và cơ quan bộ máy hành chính. Tập trung vào xoá bỏ nghèo đói, giảm sự bất bình đẳng xã hội nảy sinh do chuyển đổi đem lại.

4. Giai đoạn 4 từ 2001-2004: cải cách tài chính công và gia nhập Liên minh Châu Âu (EU).

Tập trung vào việc làm lành mạnh khu vực tài chính công, nhất là các nguồn chi có nguồn gốc từ ngân sách, tăng cường giám sát và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhà nước, áp dụng và tuân thủ các tiêu chuẩn Copenhagen, thúc đẩy mạnh mẽ quá trình gia nhập Liên minh Châu Âu (EU).

Thời điểm Ba Lan gia nhập EU có thể coi về mặt hình thức là sự kết thúc quá trình chuyển đổi hệ thống của Ba Lan, với sự thiết lập khá đồng bộ các thể chế kinh tế thị trường và chế độ dân chủ.

Nhìn xuyên suốt quá trình chuyển đổi của Ba Lan ta có thể thấy rõ nét tính đồng bộ hệ thống: Các cuộc cải cách được tiến hành có tính toán, được thiết kế đồng bộ và được tổ chức thực hiện một cách hợp lý. *Rõ ràng đây là một quá trình được nhận thức và chủ động nghiên cứu bài bản khoa học và có tầm nhìn chiến lược với những mục tiêu và lộ trình rõ ràng.* Tất cả các cuộc cải cách được thiết kế theo kiểu từ trên xuống, chứ không phải là sự mỳ mọ và đúc kết kinh nghiệm theo kiểu từ dưới lên. So với cải cách ở Trung Quốc thì Ba Lan là một trường hợp có phần tương phản: Cải cách ở Trung Quốc mặc dù được nghiên cứu và chuẩn bị kỹ nhưng đôi khi vẫn phải trải qua một quá trình dò dẫm, theo kiểu “dò đá qua sông” như một số các nhà nghiên cứu kinh tế Trung Quốc đã thừa nhận.

Thành quả đạt được của Ba Lan có thể nói là nổi bật. Ba Lan là nước duy nhất ở Trung- Đông Âu có thời kỳ suy thoái kinh tế ngắn nhất, là một trong các nước đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao (GDP so với trước năm 1989 là 150%), toàn bộ các thể chế kinh tế thị trường được thiết lập đồng bộ và vận hành tốt. Ba Lan được ghi nhận là một trong các nước có thị trường chứng khoán lớn và phát triển nhanh nhất ở Trung-Đông Âu, các thiết chế dân chủ đã bám rễ và lan toả trong hoạt động của đời sống chính trị Ba Lan. Bằng chứng rõ nét nhất về thành công của công cuộc chuyển đổi hệ thống ở Ba Lan là sự kiện gia nhập Liên minh Châu Âu vào ngày 1/5/2004.

III. Phân tích mô hình mục tiêu của quá trình chuyển đổi hệ thống ở Ba Lan

Quá trình chuyển đổi hệ thống của Ba Lan được thực hiện theo một lộ trình với các mục tiêu và tầm nhìn chiến lược. Xây dựng nền kinh tế thị trường và xã hội dân chủ là điều kiện cần thiết để Ba Lan gia nhập EU. Tuy nhiên kinh tế thị trường là một khái niệm khá rộng.

Hiện nay trên thế giới có nhiều mô hình kinh tế thị trường khác nhau. Chúng được đặc trưng bởi các cấu trúc sở hữu khác nhau, các giải pháp thể chế khác nhau và với các mức độ, phạm vi can thiệp khác nhau của nhà nước trong nền kinh tế và việc thực hiện các chính sách xã hội bảo trợ đối với bộ phận dân cư nghèo nhất của xã hội. Với mức độ đơn giản hoá nhất định có thể xem hiện nay tồn tại 3 loại mô hình kinh tế thị trường chủ yếu, đó là: Mô hình kinh tế thị trường tự do

(đại diện là Mỹ, Anh). Mô hình kinh tế thị trường xã hội (đại diện là Pháp, Đức) và mô hình kinh tế thị trường dân chủ xã hội (đại diện là các nước Bắc Âu). Các mô hình kinh tế thị trường này đều tồn tại đặc điểm chung là sự nổi trội tuyệt đối của sở hữu tư nhân tương ứng với một thể chế chính trị dân chủ, tự do.

Mô hình kinh tế thị trường tự do với nội dung chủ yếu là vai trò quyết định của thị trường trong sự điều tiết nền kinh tế, có sự trợ giúp tối thiểu mang tính từ thiện cho bộ phận dân cư nghèo nhất. Mỗi người tự quyết định và tự chịu trách nhiệm về số phận của mình tùy thuộc vào năng lực nâng cao trình độ và điều kiện sống vật chất cá nhân tùy thuộc vào năng xuất lao động của mỗi người. Ưu điểm nổi bật của nền kinh tế thị trường tự do là tạo điều kiện không hạn chế cho sự phát triển sáng tạo cá nhân.

Mô hình kinh tế thị trường tự do xã hội chấp nhận sự can thiệp đáng kể của nhà nước vào các vấn đề xã hội, nhưng không vi phạm các nguyên lý nền tảng của kinh tế thị trường và không làm suy giảm sự kích thích đối với năng xuất lao động. Sự cống hiến và hiệu quả làm việc là nền tảng cho sự phân phối thành quả thu nhập. Quyền được trợ giúp và mức độ trợ cấp xã hội cũng tùy thuộc vào thâm niên làm việc và tình trạng thu nhập trong quá khứ. Bảo hiểm xã hội mang đặc trưng toàn dân và bắt buộc, nhưng được bổ trợ thêm bởi bảo hiểm tư nhân.

Mô hình kinh tế thị trường dân chủ xã hội là hình thức cao nhất của sự bảo trợ nhà nước đối với công dân của mình. Trong mô

hình này, nhà nước phải chịu trách nhiệm toàn bộ về điều kiện sống của công dân, đảm bảo sự tìm kiếm việc làm và trợ cấp xã hội đầy đủ. Đây là mô hình nhà nước bảo trợ đã được áp dụng trong thập kỷ 70 tại các nước phát triển cao Bắc Âu như Thụy Điển, Đan Mạch.

Nếu sắp xếp các mô hình này trên một trục đường thẳng thì một cực sẽ là mô hình kinh tế thị trường tự do và cực kia sẽ là mô hình kinh tế thị trường dân chủ xã hội và ở giữa là các mô hình kinh tế thị trường khác.

Căn cứ vào truyền thống văn hoá, lịch sử cũng như trình độ nhận thức chung của xã hội và trình độ phát triển kinh tế, *Ba Lan lựa chọn cho mình mô hình kinh tế thị trường xã hội*. Mô hình này khá gần với mô hình kinh tế thị trường tự do xã hội nhưng với mức độ tự do hoá thị trường cao hơn. Theo các nhà lý luận Ba Lan thì mô hình này có các nét đặc trưng sau đây:

- Nền kinh tế nhiều thành phần dựa trên chế độ sở hữu tư nhân làm nền tảng;
- Xây dựng cơ chế dân chủ dựa trên một xã hội công dân;
- Nhà nước đảm bảo các quyền lợi cơ bản của người dân;
- Các nguyên tắc cạnh tranh cho hoạt động kinh tế là chính trong khuôn khổ thể chế, pháp luật;
- Khế ước xã hội trong xác định các tỷ lệ chủ yếu của phân chia thu nhập giữa các chủ thể có quyền lợi xung đột, như chủ doanh nghiệp và công nhân, người tiêu dùng và nhà sản xuất vv...;

- Các thiết chế dân chủ được tạo lập nhằm phòng ngừa và giải quyết các xung đột xã hội phù hợp với các nguyên tắc công bằng xã hội;

- Xây dựng các chương trình phát triển kinh tế-xã hội và vận dụng các phương tiện để thực hiện chúng trong thực tế mà không ảnh hưởng đến các nguyên lý nền tảng của kinh tế thị trường.

Mô hình mục tiêu mà Ba Lan lựa chọn cũng phù hợp với các tiêu chuẩn kinh tế, chính trị và xã hội của EU đặt ra đối với các nước ứng cử viên gia nhập EU. Hơn thế nữa, Ba Lan còn có chung các giá trị văn hoá và lịch sử với các nước Tây Âu khác. Chính vì vậy, việc gia nhập EU của Ba Lan là xu hướng tất yếu và được sự ủng hộ của toàn xã hội.

IV. Một số kết luận rút ra từ quá trình chuyển đổi hệ thống và hội nhập EU của Ba Lan

1. Sự đồng thuận xã hội

Các cuộc cải cách được thực hiện thông qua các chính sách kinh tế- xã hội trong từng thời kỳ. Các chính sách kinh tế-xã hội này không chỉ đơn thuần là sự hợp lý về phương diện khoa học mà cần có sự đồng thuận của toàn xã hội để đưa các chính sách vào thực hiện trong cuộc sống. Kinh nghiệm của Ba Lan cho thấy không phải lúc nào cũng có nhu cầu cải cách trên phạm vi toàn xã hội mà trước hết phải *xuất phát từ những nhóm ưu tú nhất của xã hội, thường là tầng lớp trí thức*. Tầng lớp này có sự nhạy cảm về chính trị, nhìn thấy trước được những yêu cầu và những bức xúc của xã hội, cũng như xu thế

phát triển và lợi ích quốc gia để khởi xướng những ý tưởng cải cách. Vấn đề khó nhất trong thực hiện các ý tưởng cải cách đổi mới là tạo ra cơ chế để toàn xã hội có sự đồng thuận nhất trí, vì bất kỳ sự cải cách nào cũng sẽ tác động, ảnh hưởng đến quyền lợi của các nhóm xã hội khác nhau, làm thay đổi tương quan lợi ích của các nhóm xã hội, điều này dẫn đến những xung đột và căng thẳng nhất định, trong nhiều thời điểm có thể dẫn đến sự bất ổn chính trị-xã hội. Chính vì vậy phải *tạo ra một cơ chế đối thoại dân chủ*.

Cơ chế đối thoại dân chủ đó ở Ba Lan là hệ thống chính trị gồm các đảng và các tổ chức xã hội, nghề nghiệp đại diện được cho toàn bộ lợi ích của các nhóm xã hội khác nhau. Các tổ chức này thực sự độc lập và tự do bảo vệ lợi ích của mình trong khuôn khổ pháp luật. Thông qua các cuộc tranh luận trong các chương trình tranh cử mà người dân thấy được quyền lợi của mình được bảo vệ như thế nào. Thông qua các cuộc đối thoại trực tiếp của các đại diện chính phủ với các tổ chức nghiệp đoàn và các hội nghề nghiệp nhằm tìm kiếm các giải pháp mang tính xây dựng và nhượng bộ mà nhiều chương trình cải cách triệt để của chính phủ tìm được tiếng nói ủng hộ của người dân và đi vào cuộc sống. Thể chế chính trị ở Ba Lan cho phép tất cả các nhóm thiểu số xã hội với các cách nhìn khác nhau về các giá trị đạo đức, tư tưởng, tín ngưỡng, các giá trị gia đình đều có thể được thể hiện ý nguyện của mình thông qua các đảng chính trị, các tổ chức xã hội của mình. Các phương tiện thông tin đại chúng trở thành diễn đàn tranh luận và đối

thoại thẳng thắn cho mọi vấn đề nảy sinh từ cuộc sống.

2. Xác định đúng vai trò của nhà nước trong quá trình chuyển đổi và hội nhập

Có thể nói xác định đúng phạm vi và mức độ can thiệp của nhà nước trong nền kinh tế thị trường là một trong các vấn đề cơ bản nhất của kinh tế học hiện đại, đặc biệt đối với các nước tiến hành cải cách thì đây là nhân tố quyết định sự thành công của công cuộc cải cách. *Kinh nghiệm của Ba Lan cho thấy, trong giai đoạn chuyển đổi nhà nước cần tập trung vào xây dựng thể chế pháp luật và nhà nước chỉ làm những việc nếu tư nhân không làm và không thể làm được.*

Việc xác định đúng vai trò của nhà nước ngày càng trở thành vấn đề máu chốt, vì trong nền kinh tế thị trường hiện nay không còn tranh luận vị trí của nhà nước và thị trường nữa mà là phạm vi và mức độ tác động, điều tiết của nhà nước. Người ta đã xác định được *những khuyết tật của thị trường và những khuyết tật của nhà nước.*

Sự can thiệp của nhà nước nhằm hiệu chỉnh những khuyết tật của thị trường được thực hiện bằng nhiều hình thức và giải pháp khác nhau, *nhưng những giải pháp có hiệu quả nhất thường cũng phải kết hợp với thị trường, thông qua thị trường để điều chỉnh*, cố gắng tối đa tránh các giải pháp mang tính hành chính. Chẳng hạn trong vấn đề giảm bớt sự bất bình đẳng xã hội, *người ta đã đi từ quan niệm bất bình đẳng về thu nhập sang khái niệm bất bình đẳng về cơ hội* và nhà nước nên thay các giải pháp điều tiết thu nhập sang các giải pháp tạo môi trường bình

đẳng để cho các chủ thể kinh tế đều có khả năng tiếp cận cơ hội như nhau, và như vậy thông qua cơ chế thị trường vừa đảm bảo sự bình đẳng cơ hội vừa đảm tính hiệu quả. Vì các nhà kinh tế đều thống nhất với nhau *là nhà nước không thể thay thế thị trường trong việc phân bố nguồn lực, nên cho đến nay chưa có một cơ chế phân bố nguồn lực nào tốt hơn cơ chế thị trường theo các tín hiệu từ giá cả.*

Với nhận thức đó, chỉ trong một thời gian ngắn Ba Lan đã xây dựng được một hệ thống luật tương đối đầy đủ và hài hoà với các luật của EU. Trong quá trình phấn đấu gia nhập EU, qui trình soạn thảo và ban hành luật của Ba Lan cũng thay đổi căn bản theo những quy chuẩn quốc tế. Thành lập một cơ quan chuyên trách có trách nhiệm điều phối, phối hợp các bộ, ban, ngành trong việc soạn thảo các luật, chuyển từ nguyên lý làm luật dựa trên sự thuận lợi cho phía các cơ quan quản lý sang nguyên lý phân tích lợi ích - chi phí do luật ban hành tạo ra, đồng thời xem xét tác động của luật đối với các nhóm đối tượng chịu sự điều chỉnh của luật. Quá trình soạn thảo ban hành luật được công khai và minh bạch, mọi người dân đều có thể tiếp cận được các nội dung của dự thảo luật trên các phương tiện thông tin đại chúng và đều có quyền đóng góp ý kiến.

Cơ quan chuyên trách này còn có nhiệm vụ theo dõi, đánh giá sự tương thích và thống nhất giữa các luật đã ban hành. Ngoài ra còn có Toà án Hiến pháp là cơ quan xem xét sự phù hợp của các luật với các quy định trong Hiến pháp, giải quyết các tranh chấp có tính chất vi phạm Hiến pháp.

3. Song song với quá trình xây dựng thể chế kinh tế cần xây dựng thể chế chính trị dựa trên nền tảng dân chủ vững chắc và triệt để: hệ thống quyền lực phân đều 4 chân: lập pháp, tư pháp, hành pháp và hệ thống truyền thông đại chúng.

Không có một thiết chế dân chủ trong quá trình cải cách sẽ dẫn tới sự hình thành một nhà nước tham nhũng và tất yếu sẽ dẫn đến sự triệt tiêu các nhân tố mới và sẽ huỷ hoại các thành quả của tăng trưởng kinh tế, tạo sự bất công trong xã hội. *Thiếu dân chủ làm tăng mức độ tham nhũng, và sự tham nhũng sẽ triệt tiêu mọi sự phát triển.* Các nghiên cứu gần đây cho thấy gốc của vấn đề tham nhũng chính là không có cơ chế dân chủ để kiểm soát quyền lực, mọi quyền lực phải được sự giám sát và kiểm chế của người dân, mọi quyết định phải được công khai minh bạch.

4. Hội nhập kinh tế nhanh, toàn diện và chủ động

Kinh nghiệm của Ba Lan cho thấy quá trình và nỗ lực gia nhập EU nhanh mang lại các tác dụng rất tích cực. Tất nhiên quá trình này có cả hiệu ứng tiêu cực, nhưng các mặt tích cực vẫn vượt trội. *Phải nhìn nhận đánh giá sự hội nhập kinh tế theo quan điểm lợi ích- chi phí: Nếu lợi ích lớn hơn chi phí thì quá trình hội nhập là đúng đắn và cần phải chủ động đẩy nhanh.* Chính trên cơ sở nghiên cứu khoa học giữa lợi ích và chi phí khi Ba Lan gia nhập EU mà các chính phủ tả, hữu khác nhau của Ba Lan đều kiên trì sự theo

đuổi mục tiêu gia nhập EU và chủ động thúc đẩy nhanh quá trình này.

Trên thực tế Ba Lan sau khi gia nhập EU thì lợi ích mang lại là thực sự lớn hơn những chi phí. Tất cả những lo ngại về một số hậu quả tiêu cực của việc là thành viên EU đã nhanh chóng được giải toả.

Thứ nhất, sau khi gia nhập EU thì xuất khẩu trở thành động lực của nền kinh tế. Đặc biệt là xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp.

Thứ hai, Ba Lan trở thành nước nhận viện trợ nhiều hơn so với nghĩa vụ đóng góp. Các khoản trợ cấp cho nông nghiệp và các vùng nghèo đã bắt đầu phát huy tác dụng.

Thứ ba, sau khi vào EU, Ba Lan trở thành địa điểm hấp dẫn đầu tư đối với các nước trong EU-15 và đặc biệt đối với các nước ngoài EU như Nhật, Mỹ, Hàn Quốc. Ba Lan có các lợi thế: thị trường lớn với gần 40 triệu dân, sức mua khá lớn (gấp hàng chục lần so với sức mua của thị trường Việt Nam). Ba Lan là nước có giá nhân công rẻ nhất trong các nước EU, rẻ hơn nhiều so với các nước như Nhật, Mỹ, Hàn Quốc, và quan trọng là trình độ lao động của Ba Lan khá cao. Môi trường chính trị ổn định, các chỉ số kinh tế vĩ mô rất tốt. Hệ thống hạ tầng khá phát triển. Tóm lại Ba Lan gần như hội tụ được đầy đủ các lợi thế.

Thứ tư, nguồn nhân lực Ba Lan được tự do di chuyển đến các nước đang thiếu nhân công lao động như Anh, Thụy Điển mang lại thu nhập và cải thiện nhanh chóng điều kiện sống của một bộ phận dân cư, đặc biệt là thanh niên.

Thứ năm, và là hiệu ứng quan trọng ngoài dự kiến, tức là nhận thức chính trị và những đòi hỏi dân chủ của người dân nâng lên rõ rệt. Yếu tố này thúc đẩy nhanh chóng sự đổi mới chính trị ở Ba Lan.

Thứ sáu, các nguồn lực, đặc biệt là đất đai của Ba Lan được sử dụng có hiệu quả hơn. Sự thúc ép của cạnh tranh mạnh hơn buộc các doanh nghiệp đổi mới công nghệ nhanh hơn để thích ứng với các tiêu chuẩn EU về các sản phẩm tiêu dùng, nhất là các tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm, môi trường.

Thứ bảy, hệ thống pháp luật Ba Lan buộc tuân thủ các luật EU nên rõ ràng mang tính chuyên nghiệp, minh bạch, đơn giản hơn và ổn định hơn. Sự tùy tiện trong việc sửa đổi luật bị loại bỏ, nhất là đối với các chính quyền địa phương. Đội ngũ công chức ngày càng chuyên nghiệp hơn.

Một điều cần nhấn mạnh là trong nhiều giai đoạn của quá trình chuyển đổi, *chính áp lực hội nhập EU trở thành nhu cầu mạnh mẽ thúc đẩy cải cách* thông qua các báo cáo thường niên về đánh giá tình hình Ba Lan của Ủy ban Châu Âu.

5. Tư nhân hoá nhanh và bài bản: Kiên quyết tư nhân hoá các doanh nghiệp nhà nước kém hiệu quả

Chính sách tư nhân hoá của Ba Lan có thể coi là một trong các vấn đề then chốt nhất của cải cách. Có một số lý do: Các đảng chính trị đều tranh giành ảnh hưởng đến khu vực này, muốn kiểm soát khu vực này, vì đây

là lợi ích kinh tế, là sân chơi của người cầm quyền.

Có một loạt các mục tiêu liên quan đến sự cần thiết phải tiến hành tư nhân hoá:

- *Thứ nhất*, tư nhân hoá được xem như là công cụ tạo ra hiệu quả kinh tế dựa trên cơ chế kích thích quyền lợi. Các nghiên cứu nói chung- cả lý luận và thực nghiệm cho thấy, với sở hữu tư nhân thường các nguồn lực như vốn, lao động được phân bố và sử dụng hiệu quả hơn so với sở hữu nhà nước.

- *Thứ hai*, tư nhân hoá được xem như là sự phân phối quyền sở hữu hợp lý nhất có thể chấp nhận được. Chỉ có trước hết thông qua tư nhân hoá và sau đó là quá trình chọn lọc tự nhiên của cơ chế thị trường mới cho phép phân bố quyền sở hữu hợp lý đối với các doanh nghiệp: Ai tài giỏi thì người đó sẽ nắm quyền sở hữu chi phối doanh nghiệp.

- *Thứ ba*, tư nhân hóa phục vụ cho việc xây dựng cơ chế thị trường theo hướng phi tập trung (giảm quy chế) và xây dựng xã hội dân chủ, vì chỉ có sở hữu tư nhân mới có thể tách bạch được các quyết định chính trị với các quyết định kinh tế,

- *Thứ tư*, tư nhân hoá là công cụ quan trọng phục vụ cho việc cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng hiệu quả.

Trong các mục tiêu mà tư nhân hoá cần đạt được thì mục tiêu thứ nhất chỉ có thể thực hiện được thông qua đồng bộ các giải pháp khác nữa chứ không nên có ảo tưởng tư nhân hoá là chiếc gậy thần làm xoay chuyển hiệu quả. Vấn đề là phải đặt trong một môi trường chung.

Còn vấn đề thứ hai, kinh tế học hiện đại gọi là sự tách biệt giữa lợi ích của người chủ sở hữu và người đại diện quản lý. Trừ các doanh nghiệp tư nhân mà người chủ sở hữu đồng thời là người đại diện quản lý, còn tất cả các doanh nghiệp còn lại (tất nhiên là gồm toàn bộ các doanh nghiệp nhà nước) đều gặp phải vấn đề này. Hiện nay để giải quyết vấn đề này người ta phải thông qua thị trường chứng khoán, khi đó các cổ đông là người chủ sở hữu sẽ thực hiện việc kiểm soát hoạt động của các doanh nghiệp thông qua hệ thống kiểm toán minh bạch và nghiêm ngặt.

Kinh nghiệm của Ba Lan cũng cho thấy tư nhân hoá là công cụ mạnh để thực hiện chiến lược tái cơ cấu nền kinh tế. Nguồn vốn thu được từ tư nhân hoá, Chính phủ có thể tập trung đầu tư vào các lĩnh vực hướng vào đảm bảo tăng trưởng bền vững như xây dựng cơ sở hạ tầng, đầu tư cho nghiên cứu, giáo dục. Tư nhân hoá còn là biện pháp nhằm thay đổi triệt để cách thức quản lý, nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, nhất là đối với các doanh nghiệp có sự tham gia của các đối tác chiến lược nước ngoài.

Chính vì ý nghĩa cũng như tác động to lớn như vậy nên *Ba Lan coi việc tư nhân hoá như là sự đánh giá mức độ thành công của công cuộc chuyển đổi. Tỷ trọng không ngừng tăng của khu vực tư nhân trong nền kinh tế là một trong các chỉ tiêu chính để đánh giá mức độ thành công của quá trình chuyển đổi.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1/ Daniel Gros and Alfred Steinherr, *Economic Transition in Central and Eastern Europe*, Cambridge University Press, 2004.

2/ Pod red. Elzbieta Adamowicz, *Gospodarka w okresie przemian*, SGH, Warszawa 1999. (Nền kinh tế trong giai đoạn chuyển đổi; tiếng Ba Lan)

3/ Francis Fukuyama, *State Building, Governance and World Order in the Twenty-First Century* (bản dịch tiếng Ba Lan, Nhà xuất bản REBIS, Poznan, 2005).

4/ Nicholas Stern, Josephe Stiglitz etc., *Development Strategy and Management of the Market Economy*, Volume I, Clarendon Press Oxford, 1997.

5/ Philip Kotler etc., *The Marketing of Nations, A Strategic Approach to Building National Wealth*, The Free Press, 1997.

6/ M. Nasilowski, *Transformacja systemowa w Polsce*, Wydawnictwo Key Text, Warszawa, 1995. (Chuyển đổi hệ thống ở Ba Lan, tiếng Ba Lan).

7/ Z. Wysokinska i J. Witkowska, *Integracja Europejska*, PWN, Warszawa, 2002. (Hội nhập Châu Âu, tiếng Ba Lan)

8/ Janos Kornai, *The Role of the State in a Post- Socialist Economy*, Distinguished Lectures Series n. 6, TIGER, Warszawa, 2001.

9/ G. W. Kolodko, *Instytucje i Polityka a Wzrost Gospodarczy*, TIGER, Warszawa, 2005. (Thể chế, chính sách và tăng trưởng kinh tế; tiếng Ba Lan)